|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND  Dự thảo 2 | *Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên**

**đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019*

*Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Căn cứ Thông tư số số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài sản có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 01 năm 2024,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024 tại phụ lục kèm theo Quyết định này, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Đối với điều chỉnh, bổ sung bảng giá tính thuế tài nguyên: Giao cho Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình thi hành Quyết định, kiểm tra, giám sát thực hiện kê khai thuế, quyết toán thuế tài nguyên, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên rừng có phát sinh loại tài nguyên ngoài quyết định này; giá tài nguyên có biến động lớn (tăng hoặc giảm) 20% trở lên so với giá trong quy định này thì có văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung bảng giá tính thuế tài nguyên gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định và báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trao đổi với Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải quy sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra: Giao Cục Thuế tỉnh trong quá trình thi hành quyết định, thanh kiểm tra, giám sát thực hiện kê khai, quyết toán thuế tài nguyên có phát sinh tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra (có phương án xác định chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp của đơn vị khai thác tài nguyên) thì có văn bản đề nghị, kèm theo phương án xác định chi phí chế biến được trừ của đơn vị khai thác tài nguyên gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị lien quan để thống nhất xác định chi phí chế biến được trừ báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

**Điều 3.** **Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày….tháng … năm 2024.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như khoản 2, Điều 3;  - Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên  và Môi trường (báo cáo);  - TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;  - Công Thông tin điện tử tỉnh tỉnh BG;  - Trung tâm thông tin tỉnh;  - Lưu: VT, KTTH./. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Phan Thế Tuấn** |